

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về trình độ chuyên môn, huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ; quản lý, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; thủ tục thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ là việc thực hiện một hoặc một số hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

2. Người quản lý là người được tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về chuyên môn, kỹ thuật đối với hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, trừ chỉ huy nổ mìn.

3. Chỉ huy nổ mìn là người được Giám đốc tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bổ nhiệm để chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.

4. Thợ mìn là người trực tiếp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.

5. Người phục vụ bao gồm: Bảo vệ, bốc dỡ và vận chuyển tại kho, vị trí trung chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tại khu vực nổ mìn.

Chương II

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, HUẤN LUYỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRONG HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Trình độ chuyên môn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

1. Người quản lý phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật: Hoá chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất, xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi, địa vật lý hoặc dầu khí.

2. Người làm công tác phân tích, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật: Hoá chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất hoặc khoan nổ mìn.

3. Chỉ huy nổ mìn phải có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, cụ thể như sau:

a) Đối với chuyên ngành kỹ thuật: Vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất, xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi, địa vật lý, dầu khí hoặc khoan nổ mìn. Chỉ huy nổ mìn phải có thời gian trực tiếp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tối thiểu 01 năm đối với người có trình độ đại học trở lên và tối thiểu 02 năm đối với người có trình độ trung cấp, cao đẳng;

b) Đối với chuyên ngành kỹ thuật khác quy định tại điểm a khoản này, chỉ huy nổ mìn phải có thời gian trực tiếp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tối thiểu 02 năm đối với người có trình độ đại học trở lên và tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Thợ mìn phải có trình độ từ sơ cấp trở lên thuộc chuyên ngành quy định tại điểm a khoản 3 Điều này hoặc từ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. Thợ mìn phải có thời gian làm công việc phục vụ nổ mìn tối thiểu 06 tháng.

Điều 5. Đối tượng phải huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

1. Người quản lý.
2. Người lao động trực tiếp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
3. Người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp.
4. Chỉ huy nổ mìn.
5. Thợ mìn.
6. Người phục vụ; người áp tải, điều khiển phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.
7. Người làm công tác phân tích, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 6. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

1. Cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, giấy phép kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, giấy phép dịch vụ nổ mìn tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng quy định tại Điều 5 của Nghị định này thuộc thẩm quyền cấp phép, trừ các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý vật liệu nổ công nghiệp chủ trì tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng thuộc tổ chức sản xuất, kinh doanh, sử dụng, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và dịch vụ nổ mìn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 7. Nội dung huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

1. Nội dung huấn luyện đối với người quản lý
 - a) Quy định của pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;
 - b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; biện pháp về quản lý, kỹ thuật bảo đảm an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; dấu hiệu, biểu trưng và ký hiệu nguy hiểm của bao gói, thùng chứa và phương tiện vận chuyển;
 - c) Nhận diện nguy cơ, yếu tố nguy hiểm, đánh giá rủi ro về các mặt an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;
 - d) Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại khoản 8 Điều này.

2. Nội dung huấn luyện đối với người lao động trực tiếp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

a) Quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp, đặc tính kỹ thuật của vật liệu nổ công nghiệp đang sản xuất;

c) Yêu cầu an toàn khi vận hành máy, thiết bị sản xuất và phương pháp làm việc an toàn;

d) Nhận diện nguy cơ, yếu tố nguy hiểm và đánh giá rủi ro trong sản xuất vật liệu nổ công nghiệp về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai;

đ) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại khoản 8 Điều này.

3. Nội dung huấn luyện đối với người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp

a) Quy định của pháp luật về bảo quản vật liệu nổ công nghiệp: Yêu cầu về kho chứa; phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn, phòng cháy, chữa cháy, chống sét, kiểm soát tĩnh điện kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;

b) Thành phần, tính chất, phân loại và yêu cầu về chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; các quy định về thử nghiệm, kiểm tra và biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; quy định về tiêu hủy và phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp;

c) Cách sắp xếp, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về an toàn khi bốc xếp, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trong phạm vi kho và trên phương tiện vận chuyển;

d) Quy trình xuất, nhập, thống kê vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Trách nhiệm của người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp;

e) Nhận diện nguy cơ, yếu tố nguy hiểm, đánh giá rủi ro trong bảo quản vật liệu nổ công nghiệp về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai;

g) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại khoản 8 Điều này.

4. Nội dung huấn luyện đối với chỉ huy nổ mìn

a) Quy định pháp luật về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; phân loại, kiểm tra chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; quy định về tiêu hủy và phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp;

c) Các phương pháp nổ mìn; các biện pháp an toàn khi nổ mìn; ảnh hưởng của nổ mìn đối với công trình, môi trường và con người; xác định khoảng cách an toàn khi nổ mìn; xây dựng phương án nổ mìn; quy định về giám sát ảnh hưởng nổ mìn;

d) Phương pháp lập hộ chiếu nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn điển hình và chỉ đạo thi công bãi nổ theo hộ chiếu nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn đã lập;

đ) Công tác bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại khu vực nổ mìn;

e) Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp từ kho tới nơi sử dụng và ngược lại;

g) Nhận diện nguy cơ và đánh giá rủi ro về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

h) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại khoản 8 Điều này.

5. Nội dung huấn luyện đối với thợ mìn

a) Quy định pháp luật về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; phân loại, kiểm tra chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; quy định về tiêu hủy và phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp;

c) Phương pháp nổ mìn; các biện pháp an toàn khi nổ mìn; ảnh hưởng của nổ mìn đối với công trình, môi trường, con người; khoảng cách an toàn khi nổ mìn;

d) Thực hiện thi công nổ mìn: Đọc và hiểu hộ chiếu nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn; bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại nơi nổ mìn; biện pháp an toàn khi làm ngòi mìn, mìn môi, lấp đạn vào ống mang (đối với nổ mìn trong khai thác dầu khí); công việc nạp mìn, nạp búa, đầu nối mạng nổ mìn; xử lý mìn câm; phương pháp nổ, trình tự công việc, tín hiệu nổ, trách nhiệm của thợ mìn;

đ) Nhận diện nguy cơ và đánh giá rủi ro trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai;

e) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại khoản 8 Điều này.

6. Nội dung huấn luyện đối với người phục vụ, người áp tải, người điều khiển phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

a) Quy định của pháp luật liên quan đến sử dụng, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp;

c) Các dấu hiệu, biểu trưng và ký hiệu nguy hiểm của bao gói, thùng chứa và phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

d) Các phương pháp, biện pháp bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trong kho, vị trí trung chuyển, trên phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và khu vực nổ mìn;

đ) Nhận diện nguy cơ có khả năng gây mất an toàn trong bốc dỡ, áp tải, vận chuyển, sử dụng và quy định bảo đảm an ninh, an toàn khi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

e) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại khoản 8 Điều này.

7. Nội dung huấn luyện đối với người làm công tác phân tích, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp

a) Quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; tiêu chuẩn, quy chuẩn về các chỉ tiêu đánh giá chất lượng vật liệu nổ công nghiệp;

b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;

c) Phân loại, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

d) Các phương pháp kiểm tra, thử nghiệm; các biện pháp an toàn khi kiểm tra đánh giá vật liệu nổ công nghiệp; các phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Quy trình phân tích, thử nghiệm các chỉ tiêu đánh giá chất lượng vật liệu nổ công nghiệp;

e) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại khoản 8 Điều này.

8. Nội dung huấn luyện ứng phó sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

a) Phân loại và phương pháp phát hiện các tình huống khẩn cấp; các hành động khi phát hiện tình huống khẩn cấp;

b) Xác định các tác động có thể gây nguy hiểm đối với người, phương tiện, thiết bị tại hiện trường và các vị trí, sơ đồ thoát hiểm; quyết định cần thiết khi phải sơ tán;

c) Các phương án, biện pháp cần thực hiện khi xảy ra tai nạn, sự cố mất an toàn vật liệu nổ công nghiệp: Thông tin gọi cứu hộ, cứu nạn; cấp cứu tại chỗ; sử dụng các phương tiện cứu hộ xử lý sự cố cháy, nổ; liên lạc và báo cáo cơ quan có thẩm quyền; huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở;

d) Phương pháp, biện pháp ứng phó các tình huống khẩn cấp;

đ) Công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả của sự cố;

e) Kế hoạch khắc phục hậu quả, khôi phục hoạt động của máy, thiết bị, công trình đã xảy ra sự cố.

Điều 8. Huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy

Việc huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 9. Tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

1. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 của Nghị định này có trách nhiệm:

a) Biên soạn tài liệu và tổ chức huấn luyện cho người quản lý theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này;

b) Lựa chọn người huấn luyện phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Quản lý, theo dõi công tác huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

2. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp có trách nhiệm:

a) Biên soạn tài liệu và tổ chức huấn luyện cho các đối tượng quy định tại Điều 5 của Nghị định này trừ người quản lý theo nội dung quy định từ khoản 2 đến khoản 7 Điều 7 của Nghị định này và phù hợp với tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức;

b) Lựa chọn người huấn luyện phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 của Nghị định này huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người quản lý; kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng quy định tại Điều 5 của Nghị định này trừ người quản lý;

d) Quản lý, theo dõi công tác huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Căn cứ tình hình sản xuất, tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp có thể kết hợp tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp với huấn luyện phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, an toàn, vệ sinh lao động và huấn luyện khác.

3. Người huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Hóa chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất, xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi, địa vật lý, dầu khí và có kinh nghiệm thực tế làm việc về kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp từ 05 năm liền kề trở lên hoặc làm quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp từ 03 năm liền kề trở lên; có kiến thức pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp.

4. Hình thức huấn luyện

a) Huấn luyện lần đầu: Các đối tượng quy định tại Điều 5 của Nghị định này phải được huấn luyện trước khi thực hiện các hoạt động vật liệu nổ công nghiệp. Thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ đối với các đối tượng quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều 5 của Nghị định này và ít nhất là 12 giờ đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, 3, 6, 7 Điều 5 của Nghị định này;

b) Huấn luyện định kỳ: Các đối tượng quy định tại Điều 5 của Nghị định này được huấn luyện 02 năm một lần. Thời gian huấn luyện bằng một nửa (1/2) thời gian huấn luyện lần đầu;

c) Huấn luyện lại: Các đối tượng quy định tại Điều 5 của Nghị định này phải thực hiện huấn luyện lại khi kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu; thợ mìn, người lao động trực tiếp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đã ngừng công việc từ 06 tháng trở lên hoặc có liên quan đến sự thay đổi về công nghệ sản xuất, phương pháp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Thời gian huấn luyện bằng một nửa (1/2) thời gian huấn luyện lần đầu.

Điều 10. Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

1. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp lập 01 bộ hồ sơ đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người quản lý gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan quy định tại Điều 6 của Nghị định này, hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

d) Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

2. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp lập 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định này trừ người quản lý, gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan quy định tại Điều 6, hồ sơ gồm:

- a) Giấy đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- c) 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;
- d) Tài liệu huấn luyện chi tiết phù hợp cho từng đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định này;
- đ) Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

3. Trình tự huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn

- a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan quy định tại Điều 6 của Nghị định này phải thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra cho tổ chức đề nghị;
- b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra, cơ quan quy định tại Điều 6 của Nghị định này phải tổ chức huấn luyện, kiểm tra.

4. Nội dung, kết quả kiểm tra

- a) Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung huấn luyện quy định tại Điều 7 của Nghị định này;
- b) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp cho các đối tượng có kết quả kiểm tra từ 6/10 điểm trở lên.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quy định tại Điều 6 của Nghị định này thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn có hiệu lực trong thời hạn 02 năm và có giá trị trên phạm vi toàn quốc.

7. Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn

- a) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc hư hỏng;
- b) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp lại có nội dung và thời hạn như giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn đã cấp;

c) Hồ sơ đề nghị cấp lại: Giấy đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; 02 ảnh (3x4 cm) và danh sách đối tượng cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, cơ quan quy định Điều 6 của Nghị định này cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

Chương III **HUẤN LUYỆN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN** **HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN TIỀN CHẤT THUỐC NỔ**

Điều 11. Đối tượng phải huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ

1. Người được giao quản lý kho tiền chất thuốc nổ phải được huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.

2. Người được giao quản lý kho tiền chất thuốc nổ đã được huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp không phải thực hiện huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 12. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ

1. Sở Công Thương chủ trì tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng trên địa bàn quản lý, trừ các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý vật liệu nổ công nghiệp chủ trì tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng của tổ chức hoạt động tiền chất thuốc nổ thuộc quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 13. Nội dung huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ

1. Yêu cầu về an toàn khi tiếp xúc với tiền chất thuốc nổ.

2. Quy định của pháp luật về bảo quản tiền chất thuốc nổ: Yêu cầu về kho chứa; phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn, phòng cháy, chữa cháy kho bảo quản tiền chất thuốc nổ; các quy định về chống sét, kiểm soát tĩnh điện kho bảo quản tiền chất thuốc nổ.

3. Thành phần, tính chất, phân loại và yêu cầu về chất lượng thử nghiệm, kiểm tra, biện pháp bảo đảm chất lượng tiền chất thuốc nổ; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn tiền chất thuốc nổ.

4. Cách sắp xếp, bảo quản tiền chất thuốc nổ; yêu cầu về an toàn khi bốc xếp, vận chuyển tiền chất thuốc nổ trong phạm vi kho và trên phương tiện vận chuyển.

5. Quy trình xuất, nhập, thống kê tiền chất thuốc nổ.

6. Trách nhiệm của người được giao quản lý kho tiền chất thuốc nổ.

Điều 14. Tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ

1. Tổ chức hoạt động tiền chất thuốc nổ có trách nhiệm:

a) Biên soạn tài liệu và tổ chức huấn luyện cho người được giao quản lý kho tiền chất thuốc nổ theo nội dung quy định tại Điều 13 của Nghị định này và phù hợp với tình hình hoạt động tiền chất thuốc nổ của tổ chức;

b) Lựa chọn người huấn luyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định này kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ cho người được giao quản lý kho tiền chất thuốc nổ;

d) Quản lý, theo dõi công tác huấn luyện cho người được giao quản lý kho tiền chất thuốc nổ;

đ) Căn cứ tình hình sản xuất, tổ chức hoạt động tiền chất thuốc nổ có thể kết hợp tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ với huấn luyện phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, an toàn, vệ sinh lao động và huấn luyện khác.

2. Người huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ phải có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm thực tế làm việc về kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp từ 05 năm liền kề trở lên hoặc làm việc trong lĩnh vực quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ từ 03 năm liền kề trở lên; có kiến thức pháp luật về tiền chất thuốc nổ.

3. Hình thức huấn luyện

a) Huấn luyện lần đầu: Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định này phải được huấn luyện trước khi được giao quản lý kho bảo quản tiền chất thuốc nổ. Thời gian huấn luyện ít nhất là 12 giờ;

b) Huấn luyện định kỳ: Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định này được huấn luyện 02 năm một lần. Thời gian huấn luyện bằng một nửa (1/2) thời gian huấn luyện lần đầu;

c) Huấn luyện lại: Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định này phải thực hiện huấn luyện lại khi kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu. Thời gian huấn luyện bằng một nửa (1/2) thời gian huấn luyện lần đầu.

Điều 15. Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ

1. Tổ chức hoạt động tiền chất thuốc nổ lập 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan quy định tại Điều 12 của Nghị định này, hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

d) Tài liệu huấn luyện chi tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

2. Trình tự kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan quy định tại Điều 12 của Nghị định này phải thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức đề nghị;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch kiểm tra, cơ quan quy định tại Điều 12 của Nghị định này phải tổ chức kiểm tra.

3. Nội dung, kết quả kiểm tra

a) Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung huấn luyện quy định tại Điều 13 của Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp cho các đối tượng có kết quả kiểm tra từ 6/10 điểm trở lên.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quy định tại Điều 12 của Nghị định này thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn có hiệu lực trong thời hạn 02 năm và có giá trị trên phạm vi toàn quốc.

6. Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn

a) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc hư hỏng;

b) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp lại có nội dung và thời hạn như giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn đã cấp;

c) Hồ sơ đề nghị cấp lại: Giấy đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; 02 ảnh (3x4 cm) và danh sách đối tượng cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, cơ quan quy định tại Điều 12 của Nghị định này cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

Chương IV

QUẢN LÝ, BẢO QUẢN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP, GIẤY CHỨNG NHẬN VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Điều 16. Quản lý, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp

1. Vật liệu nổ công nghiệp được bảo quản trên phương tiện vận chuyển, vị trí trung chuyển và tại khu vực nổ mìn phải bảo đảm các điều kiện về an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Kho vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về xây dựng, an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy, chữa cháy, chống sét, kiểm soát tĩnh điện và bảo vệ môi trường theo quy định quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Chỉ các tổ chức được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và dịch vụ nổ mìn được sử dụng, quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp. Việc đầu tư, xây dựng, mở rộng, cải tạo kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật liên quan.

4. Tổ chức sử dụng kho vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện:

a) Xây dựng và ban hành nội quy, quy định về bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp;

b) Bố trí lực lượng bảo vệ và tổ chức canh gác 24/24 giờ trong ngày, kiểm tra, kiểm soát điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy đối với người, phương tiện ra, vào và làm việc trong khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp;

c) Có biển cấm, biển báo, chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy, chữa cháy;

d) Xây dựng và niêm yết quy trình sắp xếp, bảo quản, xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp trong kho, phân loại vật liệu nổ công nghiệp không bảo đảm chất lượng theo quy định;

đ) Nhận diện nguy cơ mất an toàn và đánh giá rủi ro liên quan đến kho vật liệu nổ công nghiệp;

e) Xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; phương án bảo đảm an ninh, trật tự và kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định;

g) Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 17. Quản lý, bảo quản tiền chất thuốc nổ

1. Tiền chất thuốc nổ phải được bảo quản tại vị trí, địa điểm đáp ứng yêu cầu về an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Kho tiền chất thuốc nổ phải đáp ứng các yêu cầu về xây dựng, an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy, chữa cháy, chống sét, kiểm soát tĩnh điện và bảo vệ môi trường theo quy định quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức sử dụng kho tiền chất thuốc nổ phải:

a) Xây dựng và ban hành nội quy, quy định về bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy và chữa cháy đối với kho tiền chất thuốc nổ;

b) Bố trí lực lượng bảo vệ và tổ chức canh gác 24/24 giờ trong ngày, kiểm tra, kiểm soát điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy đối với người, phương tiện ra, vào và làm việc trong khu vực kho tiền chất thuốc nổ;

c) Có biển cấm, biển báo, chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy, chữa cháy;

d) Xây dựng và niêm yết quy trình sắp xếp, bảo quản, xuất, nhập trong kho, phân loại tiền chất thuốc nổ không bảo đảm chất lượng theo quy định;

đ) Không được bảo quản chung tiền chất thuốc nổ với các loại hóa chất có khả năng phản ứng với nhau hoặc có biện pháp chữa cháy khác nhau;

e) Nhận diện nguy cơ mất an toàn và đánh giá rủi ro liên quan đến kho tiền chất thuốc nổ;

g) Xây dựng kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; phương án bảo đảm an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật;

h) Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 18. Thủ tục thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

Giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đã cấp cho tổ chức được thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được thực hiện như sau:

1. Trường hợp tổ chức lập hồ sơ đề nghị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, trong vòng 05 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền thu hồi ban hành Quyết định thu hồi theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trường hợp tổ chức không lập hồ sơ đề nghị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền thu hồi tiến hành kiểm tra, lập biên bản, tổ chức thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận và xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

a) Chủ trì, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

b) Chủ trì, hướng dẫn việc đăng ký vật liệu nổ công nghiệp mới vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

d) Tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ về tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên toàn quốc theo quy định.

đ) Thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

2. Trách nhiệm của Bộ Công an

a) Tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; thẩm duyệt, kiểm tra, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho, phương tiện chuyên dùng vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; kiểm tra, cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các tổ chức không thuộc thẩm quyền cấp mệnh lệnh vận chuyển của Bộ Quốc phòng.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về an ninh trật tự, vận chuyển, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an.

3. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

a) Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các tổ chức, doanh nghiệp quân đội, tổ chức có vốn nhà nước do Bộ Quốc phòng làm đại diện chủ sở hữu.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật trong quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

a) Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại địa phương theo phân cấp của Chính phủ, quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn phù hợp với tình hình của địa phương theo quy định pháp luật; tiếp nhận thông báo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của các tổ chức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

c) Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện đầu mối quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại địa phương.

Điều 20. Hiệu lực thi hành


1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Bãi bỏ Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; các quy định về tiền chất thuốc nổ tại Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Chương III Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Chương VII Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).PC *105*

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
Mẫu số 02	Mẫu danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
Mẫu số 03	Mẫu giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
Mẫu số 04	Mẫu quyết định thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

Mẫu số 01

.....⁽¹⁾.....
 Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽²⁾.....**giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn**
⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

...⁽¹⁾... đề nghị ...⁽⁴⁾.....⁽²⁾.....**giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn**⁽³⁾..... (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của ...⁽¹⁾.../.

.....⁽⁵⁾....., ngày tháng năm

.....⁽⁶⁾.....
 (Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);
- (2) Nội dung đề nghị (Ví dụ: Kiểm tra, cấp hoặc huấn luyện, kiểm tra, cấp hoặc cấp lại);
- (3) Lĩnh vực huấn luyện (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ);
- (4) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh..);
- (5) Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (6) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu số 02

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA,
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN ...⁽¹⁾...**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nơi cư trú	Đăng ký ⁽²⁾
1						
2						
...						

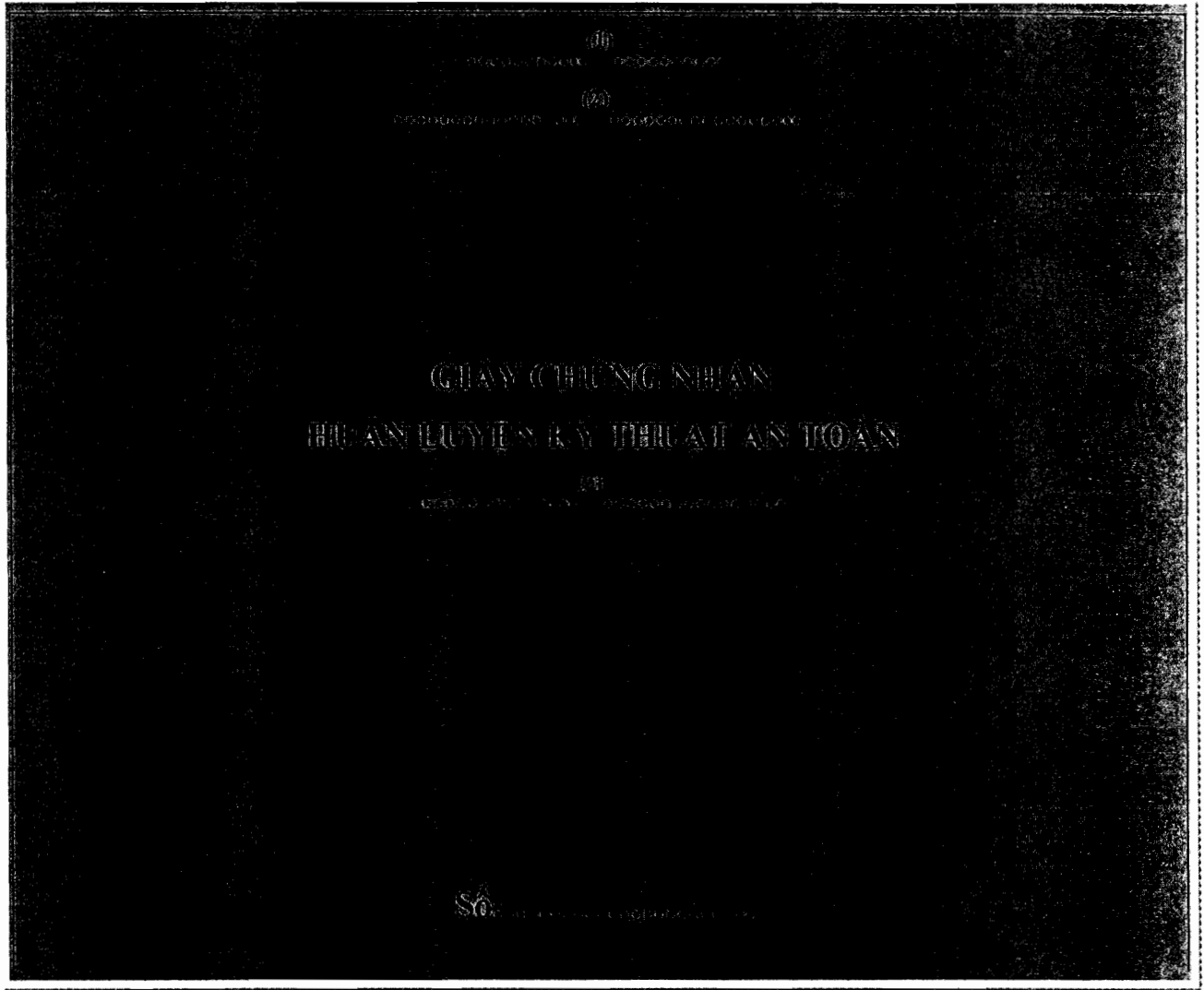
.....⁽³⁾ ..., ngày tháng năm ...
⁽⁴⁾
 (Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Lĩnh vực hoạt động (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);
⁽²⁾ Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp);
⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);
⁽⁴⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mặt trước Giấy chứng nhận:



Chú thích:

- Giấy chứng nhận có kích thước: 190 mm x 130 mm trên nền màu xanh đậm;

(1) Tên bộ, ngành, cơ quan quản lý tổ chức cấp Giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Ủy ban nhân dân tỉnh A) được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in hoa, đứng, cỡ chữ 13 - 14;

(2) Tên tổ chức cấp Giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh B) được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 13 - 14;

(3) Lĩnh vực huấn luyện (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ) được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 13 - 14.

Mặt sau Giấy chứng nhận:

<p>(1) (2)</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p>
	<p>....⁽³⁾..., ngày tháng năm</p>
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;"> <p>Ảnh 3x4 (đóng dấu giáp lai hoặc dấu nổi)</p> </div>	<p>GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN (4)</p>
	<p>.....⁽²⁾..... CHỨNG NHẬN</p>
<p>Ông/bà:..... Sinh ngày:</p>	
<p>Nơi cư trú.....</p>	
<p>Là⁽⁵⁾....., Đơn vị công tác:.....</p>	
<p>Trình độ chuyên môn:</p>	
<p>Đã qua kỳ kiểm tra kỹ thuật an toàn⁽⁴⁾..... đối với⁽⁶⁾..... do⁽²⁾..... tổ chức ngày đạt loại</p>	
<p>Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm⁽⁷⁾..... (Chữ ký, dấu)</p>	
<p>Nguyễn Văn A</p>	

Chú thích:

- Giấy chứng nhận có kích thước: 190 mm x 130 mm trên nền màu vàng nhạt;
 - Quốc hiệu “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 11 - 12;
 - Tiêu ngữ “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in thường, đứng, đậm, cỡ chữ 12 - 13;
 - ⁽¹⁾ Tên bộ, ngành, cơ quan quản lý tổ chức cấp Giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh A) được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in hoa, đứng, cỡ chữ 11 - 12;
 - ⁽²⁾ Tên đơn vị tổ chức cấp Giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh A) được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 12 - 13;
 - ⁽³⁾ Địa danh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức cấp Giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Hà Nội) được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in thường, nghiêng, cỡ chữ 12 - 13;
 - ⁽⁴⁾ Lĩnh vực huấn luyện (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp) được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 12 - 13;
 - ⁽⁵⁾ Chức danh (Ví dụ: Quản đốc phân xưởng A) được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in thường, đứng, cỡ chữ 12 - 13;
 - ⁽⁶⁾ Đối tượng huấn luyện (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn) được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in thường, đứng, cỡ chữ 12 - 13;
 - ⁽⁷⁾ Chức vụ của người cấp Giấy chứng nhận được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 12 - 13;
- Các thông tin khác trong văn bản được sử dụng font chữ Times New Roman, chữ in thường, đứng, cỡ chữ 12 - 13.

Mẫu số 04

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....⁽²⁾..........⁽³⁾....., ngày tháng năm**QUYẾT ĐỊNH**V/v thu hồi⁽⁴⁾..........⁽⁵⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ⁽⁶⁾.....;

Xét đề nghị của ...⁽⁷⁾... về việc thu hồi ...⁽⁴⁾... đã cấp cho ...⁽⁸⁾... trên cơ sở ...⁽⁹⁾....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi ...⁽¹⁰⁾... ..⁽⁴⁾... đã cấp cho ...⁽⁸⁾... ..⁽¹¹⁾...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày...tháng...năm và các quy định tại⁽¹²⁾..... hết hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm ...

Điều 3.⁽⁸⁾..... và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ...⁽¹⁴⁾...;
- Lưu: ...⁽¹⁵⁾....

.....⁽¹³⁾.....
 (Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Sở Công Thương A);
- (2) Tên viết tắt của cơ quan thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ quan thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính;
- (4) Tên loại giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (5) Thủ trưởng cơ quan thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (6) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (7) Thủ trưởng bộ phận đề nghị thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (8) Tên tổ chức được thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (9) Cơ sở đề thu hồi (đề nghị của tổ chức hoặc biên bản kiểm tra có phát hiện sai phạm);
- (10) Số lượng giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (11) Lý do thu hồi (Ví dụ: Chấm dứt hoạt động về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);
- (12) Ghi đầy đủ tên giấy phép, giấy chứng nhận được thu hồi (Ví dụ: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số ngày tháng năm của Sở Công Thương A);
- (13) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (14) Tên của các tổ chức liên quan;
- (15) Tên viết tắt của bộ phận đề nghị thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.